

**BÁO CÁO**

**Công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách nhà nước năm 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông năm 2020, cụ thể như sau:

**I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

- Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện năm 2020 là 2.538 tỷ đồng, đạt 103% dự toán Trung ương, 94% dự toán địa phương, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước (khoảng 119 tỷ đồng) (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*).

Bao gồm: Thu nội địa 2.402 tỷ đồng, đạt 104% dự toán Trung ương, 95% dự toán địa phương, giảm 3% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 71 tỷ đồng); Thu xuất nhập khẩu 117 tỷ đồng, đạt 69% dự toán giao, giảm 28% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (khoảng 44 tỷ đồng); Thu huy động đóng góp 19 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu, lĩnh vực thu có đóng góp lớn trong tổng thu NSNN trên địa bàn đạt thấp, cụ thể: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh; tiền thuê đất, mặt nước; thu xổ số kiến thiết; thu xuất nhập khẩu.

- Bên cạnh đó, vẫn có một số khoản thu đạt khá như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế bảo vệ môi trường; Thu phí, lệ phí và thu khác ngân sách.

\* Tóm lại, thu NSNN năm 2020 vượt dự toán Bộ Tài chính giao nhưng chưa đạt kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, giảm so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do:

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19: Khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty lớn như Alumin, thủy điện, xăng dầu không ổn định; một

số công ty nhỏ, công ty mới thành lập nghỉ, bỏ kinh doanh; Chính phủ thay đổi một số chính sách về thuế, phí, lệ phí như: Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định, hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh; gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng; giảm 50% lệ phí trước bạ và một số khoản phí, lệ phí do Trung ương ban hành.

- Tiến độ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất thuộc các khu đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể trong thời gian qua còn chậm.

- Công tác thống kê, rà soát sắp xếp lại, xử lý tài sản công để cho thuê hoặc đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ tại các địa phương chưa thực hiện kịp thời, đầy đủ.

## **2. Chi ngân sách địa phương:**

- Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến hết tháng 12/2020 là 7.593 tỷ đồng (*bao gồm cả số giải ngân từ nguồn thu chuyển nguồn năm 2019 sang*), đạt 105% dự toán giao (*Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN*).

Bao gồm: Chi đầu tư phát triển 2.887 tỷ đồng (trong đó giải ngân từ nguồn vốn năm trước sang 1.144 tỷ đồng) và chi thường xuyên 4.705 tỷ đồng (trong đó chuyển nguồn từ năm trước sang 632 tỷ đồng); chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1 tỷ đồng.

- Nhìn chung, chi ngân sách địa phương năm 2020 cơ bản đạt tiến độ đề ra, tuy tình hình chi ngân sách các tháng cuối năm đã được đẩy nhanh nhằm kịp thời đảm bảo nhiệm vụ chi lương, chế độ cho các đối tượng chính sách, các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm như phòng, chống dịch Covid-19, bạch hầu, hạn hán và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 của các công trình, dự án còn thấp, đặc biệt là các dự án mở mới. Nguyên nhân:

+ Một số dự án đã có chủ trương điều chỉnh dự án để tăng hiệu quả đầu tư, nhưng gặp vướng mắc khi triển khai điều chỉnh theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, làm chậm phê duyệt điều chỉnh, chậm được giao kế hoạch vốn. Đến ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, do vậy làm chậm quá trình triển khai đầu tư dự án;

+ Phần lớn các dự án chậm giải ngân liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, tuy đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, tổ chức làm việc nhiều lần để tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhưng kết quả thực hiện vẫn còn rất chậm.

+ Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, phải thực hiện giãn cách xã hội nên một số công trình phải dừng thi công, các nguồn thu trong giai đoạn giãn

cách xã hội này đạt thấp (nguồn thu sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết) nên không đảm bảo nhập nguồn cho các dự án thực hiện theo tiến độ.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Tỉnh Đắk Nông./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Trung**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 15/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>7.228.327</b>	<b>9.890.086</b>	<b>137</b>	<b>112</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>2.335.198</b>	<b>2.187.461</b>	<b>94</b>	<b>94</b>
1	Thu nội địa	2.335.198	2.187.461	94	94
2	Thu từ đầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	-	<b>19.456</b>		<b>86</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	-	<b>2.339.620</b>		<b>122</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>442.809</b>		<b>118</b>
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>38.597</b>		<b>85</b>
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương</b>	<b>4.893.129</b>	<b>4.862.143</b>	<b>99</b>	<b>109</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.253.700</b>	<b>7.676.237</b>	<b>106</b>	<b>112</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.073.057	2.896.076	140	120
2	Chi thường xuyên	4.946.208	4.723.397	95	108
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	1.000
5	Dự phòng ngân sách	112.353	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	120.182	-	-	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên		55.764		
8	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>25.373</b>		-	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>23.527</b>	<b>23.527</b>	<b>100</b>	

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**  
(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 15/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2020 TW giao	Dự toán 2020 ĐP giao	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.473.200</b>	<b>2.700.000</b>	<b>2.538.227</b>	<b>103</b>	<b>94</b>	<b>95</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.303.200</b>	<b>2.530.000</b>	<b>2.402.091</b>	<b>104</b>	<b>95</b>	<b>97</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	590.000	628.000	496.273	84	79	71
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	44.000	44.000	27.655	63	63	77
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	25.000	34.000	70.977	284	209	116
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	558.500	612.600	580.406	104	95	120
5	Thuế thu nhập cá nhân	145.000	145.000	159.049	110	110	118
6	Thuế bảo vệ môi trường	145.000	148.700	153.728	106	103	116
7	Lệ phí trước bạ	116.000	116.000	121.966	105	105	107
8	Các loại phí, lệ phí	175.000	181.800	200.501	115	110	122
9	Các khoản thu về nhà, đất	301.500	401.500	373.126	124	93	98
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	185			84
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	452	226	226	182
-	Thu tiền sử dụng đất	280.000	320.000	354.685	127	111	112
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	21.300	81.300	17.804	84	22	28
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	-	-				-
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	85.200	99.182	117	116	93
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	200	200		-	-	-
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	23.000	23.000	21.208	92	92	90
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-				
14	Thu khác ngân sách	95.000	110.000	98.020	103	89	69
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>170.000</b>	<b>170.000</b>	<b>116.680</b>	<b>69</b>	<b>69</b>	<b>72</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	105.850	105.850	32.411	31	31	61
2	Thuế xuất khẩu	64.000	64.000	83.686	131	131	77
3	Thuế nhập khẩu	150	150	583	389	389	225
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						-
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>19.456</b>			<b>86</b>
<b>VI</b>	<b>Thu từ Quỹ</b>						
<b>B</b>	<b>THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.138.900</b>	<b>2.335.198</b>	<b>2.187.461</b>	<b>102</b>	<b>94</b>	<b>94</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.068.330	1.075.116	956.624	90	89	89
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	1.070.570	1.260.082	1.230.837	115	98	99

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 15/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.253.700</b>	<b>7.620.473</b>	<b>105</b>	<b>112</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.073.057</b>	<b>2.896.076</b>	<b>140</b>	<b>120</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.073.057	2.762.840	133	114
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		3.458		69
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	129.778		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.946.208</b>	<b>4.723.397</b>	<b>95</b>	<b>108</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.953.216	1.917.568	98	107
2	Chi khoa học và công nghệ	13.765	15.727	114	112
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		575.084		99
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		78.094		99
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		40.809		105
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		9.365		81
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	48.928	27.909	57	67
8	Chi sự nghiệp kinh tế		563.730		118
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.006.492		103
10	Chi bảo đảm xã hội		242.135		207
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>900</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>120.182</b>		-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>112.353</b>		-	